

Bản án số: 195 /2021/HNGĐ- ST
Ngày 14-05 - 2021
V/v tranh chấp Ly hôn và con chung

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHƯƠNG MỸ, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Vương Đăng Khoa**

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Liên

Ông Phạm Tiến Lợi

- Thư ký phiên tòa: Bà **Lê Thị Hương** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chương Mỹ

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chương Mỹ tham gia phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Thu** - Kiểm sát viên

Ngày 14 tháng 05 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chương Mỹ xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 108/2021/TLST- HNGĐ ngày 17/03/2021 về việc tranh chấp Ly hôn và nuôi con chung theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 42/2021/QĐXX-ST ngày 8/04/2021 Quyết định hoãn số 28 /2020/QĐST-HNGĐ ngày 26/04/2021 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Mai Thị T, sinh năm 1992; HKTT và nơi cư trú: Thôn Đ, xã P, huyện Chương Mỹ, Thành phố Hà Nội.(Có mặt)

- Bị đơn: Anh Nguyễn Văn D, sinh năm 1991; HKTT và nơi cư trú: Thôn Đ, xã P, huyện Chương Mỹ, Thành phố Hà Nội. (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và trong quá trình xét xử, nguyên đơn - chị Mai Thị T bày:

Tôi và anh Nguyễn Văn D kết hôn với nhau là tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã P ngày 17/11/2011. Sau khi kết hôn chúng tôi chung sống tại thôn Đ, xã P, huyện Chương Mỹ. Quá trình chung sống vợ chồng đến tháng 7/2016 phát sinh mâu thuẫn, bất đồng quan điểm sống; Cuộc sống không hạnh phúc. Nay tôi xác định tình cảm vợ chồng không còn, đề nghị Tòa án giải quyết cho tôi được ly hôn anh D.

Về con chung: có 02 con chung: Nguyễn Văn Anh T, sinh ngày 9/7/2012 và Nguyễn Văn Tuấn A, sinh ngày 29/7/2016. Tôi xin được nuôi cháu T và cháu A, không yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, công nợ: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn - anh Nguyễn Văn D đã được giao Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng không đến Tòa án làm việc, không trình bày ý kiến.

Viện kiểm sát nhân dân huyện Chương Mỹ tham gia phiên tòa phát biểu: Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án. Nguyên đơn đã chấp hành nghiêm chỉnh quy định của pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án. Bị đơn không chấp hành nghiêm chỉnh quy định của pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án.

Về nội dung: Đề nghị áp dụng các Điều 51, 53, 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; điều 28, 35, 147, điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ Luật tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết: Chị T được ly hôn anh D. Con chung: Giao con chung là cháu T và Tuấn Anh cho chị T nuôi dưỡng. Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con chung đối với anh D. Tài sản, công sức, công nợ: không có.

Chị Mai Thị T phải nộp tiền án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Chị Mai Thị T có đơn khởi kiện đề nghị Tòa án nhân dân huyện Chương Mỹ giải quyết được ly hôn anh Nguyễn Văn D. Anh D có HKTT và nơi cư trú thôn Đ, xã P, huyện Chương Mỹ, Thành phố Hà Nội. Tòa án nhân dân huyện Chương Mỹ thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Mai Thị T và anh Nguyễn Văn D thiết lập quan hệ hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, đảm bảo điều kiện kết hôn và có đăng ký kết hôn tại UBND xã P ngày 17/11/2011 là hợp pháp. Quá trình chị T và anh D phát sinh mâu thuẫn. Theo chị T thì nguyên nhân mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, cuộc sống không hạnh phúc. Tại phiên tòa, chị T vẫn giữ nguyên quan điểm xin được ly hôn anh D.

Xét thấy, tình cảm giữa chị T và anh D không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên căn cứ Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận đơn xin ly hôn của chị T với anh D là phù hợp quy định pháp luật.

[2.2] Về con chung: Chị T và anh D có 02 con chung: Nguyễn Văn Anh T, sinh ngày 9/7/2012 và Nguyễn Văn Tuấn A, sinh ngày 29/7/2016. Xét thấy, cháu T có nguyện vọng muốn ở với mẹ. Do đó, giao cho chị T được quyền nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu T và cháu A đến khi trưởng thành hoặc có quyết định thay đổi khác. Tạm hoãn việc cấp dưỡng cấp dưỡng nuôi con của anh D.

Anh D có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở là phù hợp với quy định tại các Điều 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân gia đình năm 2014.

[2.3] Về tài sản chung, công nợ: Chị T và anh D không yêu cầu giải quyết nên Tòa án không xem xét.

[3] Về án phí: Chị T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

Vì các lẽ trên!

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 4 Điều 147 Bộ Luật tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 Nghị quyết của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Chị Mai Thị T được ly hôn anh Nguyễn Văn D

2. Về con chung: Chị T và anh D có 02 con chung: Nguyễn Văn Anh T, sinh ngày 9/7/2012 và Nguyễn Văn Tuấn A, sinh ngày 29/7/2016.

Giao cho chị Mai Thị T được quyền chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là cháu Nguyễn Văn Anh T, sinh ngày 9/7/2012 và Nguyễn Văn Tuấn A, sinh ngày 29/7/2016, đến khi con chung thành niên (đủ 18 tuổi) hoặc có quyết định thay đổi khác.

Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con chung của anh D đến khi có quyết định thay đổi khác.

Anh Nguyễn Văn D có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung, công nợ: không có; không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Chị Mai Thị T phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm được tính trừ vào số tiền 300.000 đồng đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Chương Mỹ, Thành phố Hà Nội theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2018/001610 ngày 16/03/2021.

Chị Mai Thị T có quyền kháng cáo trong thời hạn mười lăm ngày kể từ ngày tuyên án.

Anh Nguyễn Văn D có quyền kháng cáo trong thời hạn mười lăm ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND thành phố Hà Nội;
- VKSND huyện (02 bản);
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP
- Chi cục THA dân sự Chương Mỹ

**T/M Hội đồng xét xử
Thẩm phán -Chủ tọa phiên tòa**

Vương Đăng Khoa

HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:

- TAND thành phố Hà Nội;
- VKSND huyện (02 bản);
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP
- Chi cục THA dân sự Chương Mỹ

T/M Hội đồng xét xử
Thẩm phán -Chủ tọa phiên tòa

Vương Đăng Khoa

